

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	
Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban	
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên	
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên	có đơn từ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2017 đang chờ chấp thuận của ĐHĐCĐ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61354721-19488753-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		382.572.697.635	319.949.134.786
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	170.008.044.784	127.817.498.015
111	1. Tiền		110.008.044.784	97.817.498.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		13.027.077.778	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	13.027.077.778	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.798.498.851	178.851.755.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	172.098.134.716	179.004.731.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.058.811.582	6.472.873.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.641.552.553	1.808.855.010
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	-	(8.434.703.966)
140	IV. Hàng tồn kho	8	5.396.668.471	5.599.217.570
141	1. Hàng tồn kho		5.396.668.471	5.599.217.570
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.342.407.751	7.680.663.348
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	712.207.128	300.975.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.444.923.888	7.379.648.710
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	185.276.735	39.446
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		315.519.149.634	220.276.898.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	20.600.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(20.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		306.868.581.571	218.355.624.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	306.868.581.571	218.355.624.676
222	Nguyên giá		527.856.677.011	375.792.538.694
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(220.988.095.440)	(157.436.914.018)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.489.250.910	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.489.250.910	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.161.317.153	1.921.273.499
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.870.028.023	731.488.165
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	1.291.289.130	1.189.785.334
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		698.091.847.269	540.226.032.961

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		203.891.794.578	188.131.544.311
310	I. Nợ ngắn hạn		191.091.344.258	179.761.790.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	49.824.484.836	51.985.724.024
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		424.615.394	199.961.608
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13.901.071.006	11.290.421.854
314	4. Phải trả người lao động		109.621.228.399	107.692.376.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.735.303.460	1.857.654.306
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.617.116.240	2.514.496.097
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.967.524.923	4.221.155.618
330	II. Nợ dài hạn		12.800.450.320	8.369.754.300
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	12.800.450.320	8.369.754.300
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	494.200.052.691	352.094.488.651
410	I. Vốn chủ sở hữu		494.200.052.691	352.094.488.651
411	1. Vốn cổ phần		239.959.520.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		239.959.520.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.486.000.000	-
415	4. Cổ phiếu quỹ		(497.200.000)	(133.000.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		54.144.670.223	7.139.777.265
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		147.332.088.617	138.484.031.386
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.853.938.780	204.132.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		145.478.149.837	138.279.898.631
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.171.293.851	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		698.091.847.269	540.226.032.961



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

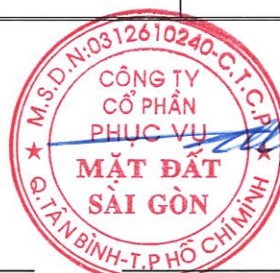
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	1.105.949.893.875	876.564.991.314
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		722.000.383.378	597.302.927.903
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		383.949.510.497	279.262.063.411
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	4.327.579.459	5.953.465.471
22	5. Chi phí tài chính	18	1.138.265.763	1.109.824.675
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	99.173.401.727	66.370.185.669
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		287.965.422.466	217.735.518.538
31	8. Thu nhập khác	20	326.674.697	405.695.866
32	9. Chi phí khác	20	15.016.745	163.348.301
40	10. Lợi nhuận khác	20	311.657.952	242.347.565
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.277.080.418	217.977.866.103
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.2	58.070.560.928	44.463.311.984
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	(101.503.796)	(690.163.514)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		230.308.023.286	174.204.717.632
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		208.326.729.435	174.204.717.632
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	16.1	21.981.293.851	-
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	8.596	7.277
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	8.596	7.277



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.277.080.418	217.977.866.103
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	63.551.181.422	36.274.816.854
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.039.965)	(112.521.491)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(2.750.991.188)	(2.075.488.453)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		349.053.230.687	252.064.673.013
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		23.377.187.182	(63.674.580.861)
10	Giảm hàng tồn kho		202.549.099	2.248.491.584
11	Tăng các khoản phải trả		14.438.803.061	74.445.903.530
12	Tăng chi phí trả trước		(1.549.771.794)	(4.893.608)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.801.875.309)	(41.208.970.683)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.275.101)	(10.722.149.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		303.484.847.825	213.148.473.974
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(157.553.389.227)	(146.155.036.070)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(166.754.225.344)	(20.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		123.727.147.566	20.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	190.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		2.162.229.176	2.238.182.882
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(198.418.237.829)	(143.726.853.188)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp		15.190.000.000	9.930.520.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(364.200.000)	(105.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(77.736.456.000)	(29.985.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(62.910.656.000)	(20.160.230.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		42.155.953.996	49.261.390.786
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		127.817.498.015	78.370.065.494
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.592.773	186.041.735
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	170.008.044.784	127.817.498.015



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.789 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.289).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có hai (2) chi nhánh và một công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11 tháng 4 năm 2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR"). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2016, thông qua quyết định góp vốn thành lập SAGS-CXR.

Ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo các Nghị định nêu trên. Ngày 5 tháng 9 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 233/NQ-HĐQT về việc giải thể chi nhánh Cam Ranh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Thông tin so sánh

Công ty có công ty con vào ngày 1 tháng 1 năm 2017, do đó việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Số liệu bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và thuyết minh kèm theo được trình bày theo số liệu báo cáo tổng hợp của Công ty.

2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng). Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, F,C, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý. Hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất TGTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%, doanh thu đào tạo không chịu thuế...

Tại chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Cam Ranh và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở từng Chi nhánh và công ty con.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Cam Ranh (đơn vị hạch toán độc lập của Công ty) và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được nộp tại Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	104.812.000	17.827.430
Tiền gửi ngân hàng	109.903.232.784	97.799.670.585
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	170.008.044.784	127.817.498.015

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% - 5,1%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,5%/năm đối với tiền gửi bằng VND.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn các bên khác	172.098.134.716	179.004.731.379
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	63.514.242.145	81.961.783.667
Air Asia Berhart	10.849.228.148	4.636.028.030
Qatar Airways	9.619.222.183	13.562.875.511
Asiana Airlines Inc	8.906.973.856	3.011.348.271
DHT Aviation	8.383.340.156	5.940.120.257
Jetstar Airways Pty Ltd	6.829.532.689	-
Emirates Airline	5.169.187.556	2.534.874.076
Jetstar Asia Airways Pte Ltd	4.178.682.209	4.320.646.140
Thai Air Asia	4.144.926.351	3.003.393.866
Malindo Air	3.842.670.415	2.505.716.026
Turkish Airlines	3.524.822.280	3.563.744.040
Công Ty TNHH TNT	3.160.413.719	1.039.356.635
T'way Air., Ltd	3.033.501.037	893.037.366
Vietsky Support Company Limited	2.954.336.761	-
Air Hongkong	2.224.380.400	2.262.915.240
Jin Air	2.182.724.910	1.868.990.033
Scoot Tiger Air Pte. Ltd	1.971.783.938	3.750.201.770
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar	1.818.481.555	5.176.197.837
Pacific Airlines		
Air Busan	1.480.692.864	1.019.531.385
Nok Airlines Public Company Limited	1.227.364.002	1.345.755.084
Thai Lion Mentari Company Limited	1.192.623.360	1.182.611.214
Hong Kong Dragon Airlines Ltd	753.671.246	847.078.072
Hainan Airlines Holding Company Limited	1.456.585.812	6.118.416.467
Llc "Ikar" Airlines	85.035.170	4.157.151.798
Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông	-	5.508.337.650
Khác	19.593.711.954	18.794.620.944
TỔNG CỘNG	172.098.134.716	179.004.731.379
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 26.2)	-	(8.434.703.966)
GIÁ TRỊ THUẦN	172.098.134.716	170.570.027.413

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và Dịch Vụ Việt Sinh Phát	488.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention	283.113.600	-
Công ty Cổ phần Avintech	-	6.177.806.512
Khác	287.697.982	295.066.918
TỔNG CỘNG	1.058.811.582	6.472.873.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	1.641.552.553	1.808.855.010
Lãi dự thu	678.845.345	90.083.333
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	479.243.779	473.722.468
Ký cược, ký quỹ	356.000.000	225.600.000
Phải thu lại của nhân viên	77.499.549	860.188.855
Tạm ứng nhân viên	21.720.000	34.813.730
Các khoản khác	28.243.880	124.446.624
Dài hạn	-	20.600.000.000
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	20.600.000.000
TỔNG CỘNG	1.641.552.553	22.408.855.010
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 26.2)	-	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.641.552.553	1.808.855.010

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	5.260.738.471	5.539.757.570
Công cụ, dụng cụ	135.930.000	59.460.000
TỔNG CỘNG	5.396.668.471	5.599.217.570

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	712.207.128	300.975.192
Phí cước Metrowan	270.375.748	153.127.204
Phần mềm ảo hóa sao lưu dữ liệu	242.107.500	-
Tiền thuê mặt bằng	126.482.194	-
Phần mềm mail server và license	62.722.494	32.661.069
Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	5.794.192	93.914.192
Khác	4.725.000	21.272.727
Dài hạn	1.870.028.023	731.488.165
Bản quyền phần mềm Kaspersky, công nghệ	996.433.769	84.269.911
Đường truyền cáp quang	364.465.584	554.621.544
Chi phí tần số vô tuyến điện	242.941.566	14.866.710
Chi phí sửa chữa	214.367.108	-
Dịch vụ hỗ trợ trọn gói 3 năm thiết bị cisco	51.819.996	77.730.000
TỔNG CỘNG	2.582.235.151	1.032.463.357

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	28.579.661.612	9.458.400.805	325.600.192.754	12.154.283.523	375.792.538.694
Mua mới trong năm	-	2.742.909.546	147.994.158.771	1.327.070.000	152.064.138.317
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	28.579.661.612	12.201.310.351	473.594.351.525	13.481.353.523	527.856.677.011
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.706.859.380)	(5.426.166.484)	(141.474.337.556)	(8.829.550.598)	(157.436.914.018)
Khấu hao trong năm	(1.153.687.986)	(1.769.119.488)	(58.928.808.271)	(1.699.565.677)	(63.551.181.422)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(2.860.547.366)	(7.195.285.972)	(200.403.145.827)	(10.529.116.275)	(220.988.095.440)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.872.802.232	4.032.234.321	184.125.855.198	3.324.732.925	218.355.624.676
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.719.114.246	5.006.024.379	273.191.205.698	2.952.237.248	306.868.581.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là nguyên giá của các trang thiết bị Nhóm Công ty đã mua trong tháng 12 năm 2017 đang chờ cấp phép sử dụng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.086.875.301	39.877.567.115
Phải trả cho các bên khác	14.737.609.535	12.108.156.909
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác	2.316.202.241	-
Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng		
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật	2.358.720.000	2.243.439.110
Hàng không Việt Nam		
Công ty Cổ phần ô tô trường Hải -	1.122.360.000	-
Chi Nhánh An Sương		
Doanh nghiệp tư nhân Sao Mai Em	518.389.992	-
Khác	8.421.937.302	9.864.717.799
TỔNG CỘNG	49.824.484.836	51.985.724.024

13. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập				
doanh nghiệp tại				
CN Cam Ranh	-	182.608.301	-	182.608.301
Thuế TNCN tại				
VP Hồ Chí Minh				
và CN Cam Ranh	-	2.628.988	-	2.628.988
Thuế GTGT tại				
VP Hồ Chí Minh	39.446	-	-	39.446
TỔNG CỘNG	39.446	185.237.289	-	185.276.735
Phải trả				
Thuế thu nhập				
doanh nghiệp	9.115.773.233	58.070.560.928	(54.860.222.545)	12.326.111.615
Thuế TNDN tại				
VP Hồ Chí Minh				
và CN Đà Nẵng	5.909.254.426	46.592.046.344	(43.052.958.914)	9.448.341.856
Thuế TNDN tại				
CN Cam Ranh	3.206.518.807	744.825	(3.207.263.632)	-
Thuế TNDN tại				
công ty Cổ phần				
Phục vụ Mặt đất				
Sài Gòn -				
Cam Ranh	-	11.477.769.759	(8.600.000.000)	2.877.769.759
Thuế TNCN	2.139.550.542	24.443.777.741	(25.008.368.892)	1.574.959.391
Thuế GTGT	35.098.079	-	(35.098.079)	-
Thuế khác	-	8.982.293	(8.982.293)	-
TỔNG CỘNG	11.290.421.854	82.523.320.962	(79.912.671.809)	13.901.071.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí hội nghị	2.057.984.489	854.934.306
Bồi dưỡng độc hại	648.111.088	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	393.000.000	159.000.000
Chi phí sử dụng Sita	242.460.000	842.460.000
Chi phí sửa chữa bộ đàm	224.930.000	-
Chi phí dịch vụ kiểm toán	151.818.182	-
Khác	16.999.701	1.260.000
TỔNG CỘNG	3.735.303.460	1.857.654.306

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	3.617.116.240	2.514.496.097
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.623.963.593	1.147.299.847
Tiền vé và hoa hồng bán vé thu hộ	1.703.955.745	866.395.322
Khác	289.196.902	500.800.928
Dài hạn	12.800.450.320	8.369.754.300
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	12.800.450.320	8.369.754.300
TỔNG CỘNG	16.417.566.560	10.884.250.397

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	174.204.717.632	174.204.717.632
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.165.160.000	-	-	-	(56.165.160.000)	-
Tăng từ phát hành cổ phiếu	3.326.840.000	6.603.680.000	-	-	-	9.930.520.000
Trích quỹ đầu tư phát triển 2015	-	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi 2015	-	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	-	(1.914.069.001)	(1.914.069.001)
Tạm ứng tiền thưởng đạt kế hoạch 2016	-	-	-	-	(4.025.000.000)	(4.025.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(29.985.750.000)	(29.985.750.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	138.484.031.386	352.094.488.651

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	VND
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	-	138.484.031.386	-	352.094.488.651
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	15.190.000.000	15.190.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	208.326.729.435	21.981.293.851	230.308.023.286
Trả cổ tức 2016 bằng cổ phiếu (*)	39.959.520.000	-	-	-	-	(39.959.520.000)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	9.486.000.000	(9.486.000.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(364.200.000)	-	-	-	-	(364.200.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	47.004.892.958	-	(47.004.892.958)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	-	-	(6.790.540.806)	-	(6.790.540.806)
Cổ tức còn lại năm 2016 (*)	-	-	-	-	-	(29.977.480.000)	-	(29.977.480.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2016	-	-	-	-	-	(12.897.658.840)	-	(12.897.658.840)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2017	-	-	-	-	-	(3.412.500.000)	-	(3.412.500.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (**)	-	-	-	-	-	(47.758.976.000)	-	(47.758.976.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017	-	-	-	-	-	(2.191.103.600)	-	(2.191.103.600)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	239.959.520.000	6.603.680.000	(497.200.000)	54.144.670.223	9.486.000.000	147.332.088.617	37.171.293.851	494.200.052.691

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành là 3.995.952 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất việc chi trả và phát hành cổ phiếu trên vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng lên thành 239.959.520.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 230/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,01%	115.200.370.000	48,00%	96.000.310.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	14,96%	35.905.060.000	4,75%	9.500.800.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	12,79%	30.686.940.000	12,79%	25.572.450.000
Quỹ SSI	2,46%	5.898.330.000	15,16%	30.315.280.000
Khác	21,66%	51.970.820.000	19,26%	38.516.160.000
Cổ phiếu quỹ	0,12%	298.000.000	0,05%	95.000.000
TỔNG CỘNG		239.959.520.000		200.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	200.000.000.000	140.508.000.000
Tăng trong năm	39.959.520.000	59.492.000.000
Số cuối năm	239.959.520.000	200.000.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	77.728.676.000	29.985.750.000

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	23.995.952	20.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	29.800	9.500
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	23.966.152	19.990.500

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	208.326.729.435	174.204.717.632
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(38.094.619)	(112.521.491)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.191.103.600)	(1.914.069.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	206.097.531.216	172.178.127.141
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	23.977.936	23.659.143
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	8.596	7.277
Lãi suy giảm	8.596	7.277

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán năm để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 7 tháng 6 năm 2017.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh vào ngày 11 tháng 7 năm 2017.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	1.082.912.352.858	853.885.872.652
<i>Phục vụ Mặt đất</i>	1.014.038.191.184	791.804.616.207
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	47.901.896.406	42.298.087.354
<i>Dịch vụ quây thủ tục</i>	16.625.906.400	12.882.538.930
<i>Dịch vụ xe chở khách</i>	4.346.358.868	6.900.630.161
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	23.037.541.017	22.679.118.662
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	7.248.926.330	5.974.746.058
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	3.216.438.887	2.331.265.828
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	2.690.240.380	2.430.085.364
<i>Dịch vụ giặt ủi</i>	2.540.328.392	2.136.178.869
<i>Dịch vụ VIP</i>	2.335.199.043	1.986.537.909
<i>Khác</i>	5.006.407.985	7.820.304.634
TỔNG CỘNG	1.105.949.893.875	876.564.991.314
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	9.241.259.712	6.907.364.327
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.096.708.634.163	869.657.626.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.750.991.188	2.075.488.453
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.538.493.652	3.765.455.527
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	38.094.619	112.521.491
TỔNG CỘNG	4.327.579.459	5.953.465.471

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.124.211.109	1.109.824.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ CXR	14.054.654	-
TỔNG CỘNG	1.138.265.763	1.109.824.675

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.114.831.183	2.304.602.227
Chi phí nhân viên	44.296.063.020	21.389.292.342
Chi phí khấu hao	1.302.431.607	883.680.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.479.453.310	28.381.949.792
Chi phí nhượng quyền khai thác	16.240.489.354	12.809.820.925
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(178.606.976)
Khác	1.740.133.253	779.446.984
TỔNG CỘNG	99.173.401.727	66.370.185.669

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	326.674.697	405.695.866
Phạt vi phạm hợp đồng	137.493.357	243.332.412
Khác	189.181.340	162.363.454
Chi phí khác	15.016.745	163.348.301
Tiền miễn thường theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	-	129.000.000
Khác	15.016.745	34.348.301
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	311.657.952	242.347.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	27.995.921.736	23.607.548.067
Chi phí nhân viên	398.240.796.011	325.657.960.036
Chi phí khấu hao	63.551.181.422	36.274.816.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.405.263.329	264.722.127.682
Chi phí nhượng quyền khai thác	16.240.489.354	12.809.820.925
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(178.606.976)
Chi phí bằng tiền khác	1.740.133.253	779.446.984
TỔNG CỘNG	821.173.785.105	663.673.113.572

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.070.560.928	44.463.311.984
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(101.503.796)	(690.163.514)
TỔNG CỘNG	57.969.057.132	43.773.148.470

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	288.277.080.418	217.977.866.102
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	57.655.416.085	43.595.573.220
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	317.695.208	235.051.067
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.054.161)	(57.475.817)
Chi phí thuế TNDN	57.969.057.132	43.773.148.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	288.277.080.418	217.977.866.102
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	57.655.416.085	43.595.573.220
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	317.695.208	235.051.067
Liên quan đến chi phí Sita	(120.000.000)	120.000.000
Liên quan đến chi phí hội nghị	(24.423.173)	436.020.071
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	129.622.217	-
Liên quan đến chi phí sửa chữa bộ đàm	44.986.000	-
Liên quan đến chi phí trích trước khác	71.318.753	-
Liên quan đến dự phòng cho Transero Airline	-	134.143.443
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.054.161)	(57.475.817)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.070.560.928	44.463.311.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

		VND	
		Báo cáo kết quả	
		hoạt động kinh doanh hợp nhất	
		Năm nay	Năm trước
		Số cuối năm	Số đầu năm
		Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	
		Số đầu năm	
		Năm nay	
		Năm trước	
		Số cuối năm	

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ Mua tài sản cố định	9.241.259.712 39.433.156.794 2.237.173.925	6.907.364.327 24.477.849.313 -
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	133.433.325.246	135.958.514.991
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	24.876.990.680	25.012.331.517
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	33.514.661.158 9.965.827	16.457.021.071
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Dịch vụ Hàng không	Bên liên quan	Góp vốn	11.470.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng Nam Việt	Bên liên quan	Góp vốn	3.720.000.000	-
Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:				
				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn người bán				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	5.758.897.126	4.242.584.369
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	23.077.115.926	23.903.479.266
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	3.230.205.449	5.345.572.044
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	3.020.656.800	6.385.931.436
			35.086.875.301	39.877.567.115

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

VND

		Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Doanh thu		664.913.028.596 (504.830.267.850)	122.071.135.804 (97.324.498.588)	89.580.826.914 (61.518.347.134)	-	876.564.991.314 (663.673.113.572)
Chi phí					-	
Lợi nhuận bộ phận		160.082.760.746	24.746.637.216	28.062.479.780	-	212.891.877.742
Doanh thu hoạt động tài chính		5.343.537.708 (1.095.073.587)	140.147.260 (10.338.116)	469.780.503 (4.412.972)	-	5.953.465.471 (1.109.824.675)
Chi phí tài chính					-	
Thu nhập khác		405.112.740 (83.588.075)	582.569 (64.500.227)	557 (15.260.000)	-	405.695.866 (163.348.302)
Chi phí khác					-	
Tổng lợi nhuận trước thuế		164.652.749.533	24.812.528.702	28.512.587.868	-	217.977.866.102
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(33.780.148.964)	(4.976.644.214)	(5.706.518.806)	-	(44.463.311.984)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		690.163.514	-	-	-	690.163.514
Lợi nhuận sau thuế TNDN		131.562.764.083	19.835.884.488	22.806.069.063	-	174.204.717.632
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:						
Tài sản bộ phận		473.044.242.803	24.386.690.453	42.795.099.705	-	540.226.032.961
Nợ phải trả bộ phận		140.011.394.491	20.242.151.205	27.877.998.615	-	188.131.544.311

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	VND
					Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Doanh thu	721.651.454.565	190.368.753.624	-	193.929.685.686	1.105.949.893.875
Chi phí	(550.294.453.692)	(141.755.357.052)	(10.890.877)	(129.113.083.484)	(821.173.785.105)
Lợi nhuận bộ phận	171.357.000.873	48.613.396.572	(10.890.877)	64.816.602.202	284.776.108.770
Doanh thu hoạt động tài chính	3.070.860.463	86.747.323	29.855.721	1.140.115.952	4.327.579.459
Chi phí tài chính	(1.048.533.776)	(54.288.663)	(15.313.924)	(20.129.400)	(1.138.265.763)
Thu nhập khác	185.781.134	171.662	185.940	140.535.961	326.674.697
Chi phí khác	(845.269)	(57.945)	(112.736)	(14.000.795)	(15.016.745)
Tổng lợi nhuận trước thuế	173.564.263.425	48.645.968.949	3.724.124	66.063.123.920	288.277.080.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(36.873.398.469)	(9.718.647.874)	(744.825)	(11.477.769.759)	(58.070.560.928)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	(18.935.816)	3.399.940	-	117.039.672	101.503.796
Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.671.929.140	38.930.721.015	2.979.299	54.702.393.833	230.308.023.286
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Tài sản bộ phận	564.036.268.197	40.129.839.845	(18.540.055.392)	112.465.794.619	698.091.847.269
Nợ phải trả bộ phận	145.677.226.613	25.774.825.905	-	32.439.742.060	203.891.794.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS, Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 23/HĐ/ACV-SAGS-CXR. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>37.144.783.541</u>	<u>37.144.783.541</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

26.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	
	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	77.896.488.448	3.436.104
Đô la Singapore (SGD)	4.132.140	244

26.2 Nợ khó đòi đã xử lý

		VND	
Đối tượng	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	
Công ty Cổ phần Hàng không Mekong	5.508.337.650	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi	
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi	
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	Công ty đã phá sản không có khả năng thu hồi	

Trong Quý 1 năm 2017, Công ty thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi của các đối tượng nêu trên theo Quyết định số 190A/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

ANH H